

**QUYẾT ĐỊNH**

Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm sang số lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

SỞ TƯ PHÁP TP. ĐÀ NẴNG

Số: 1382

Ngày: 22/3/2018

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế Tài nguyên ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

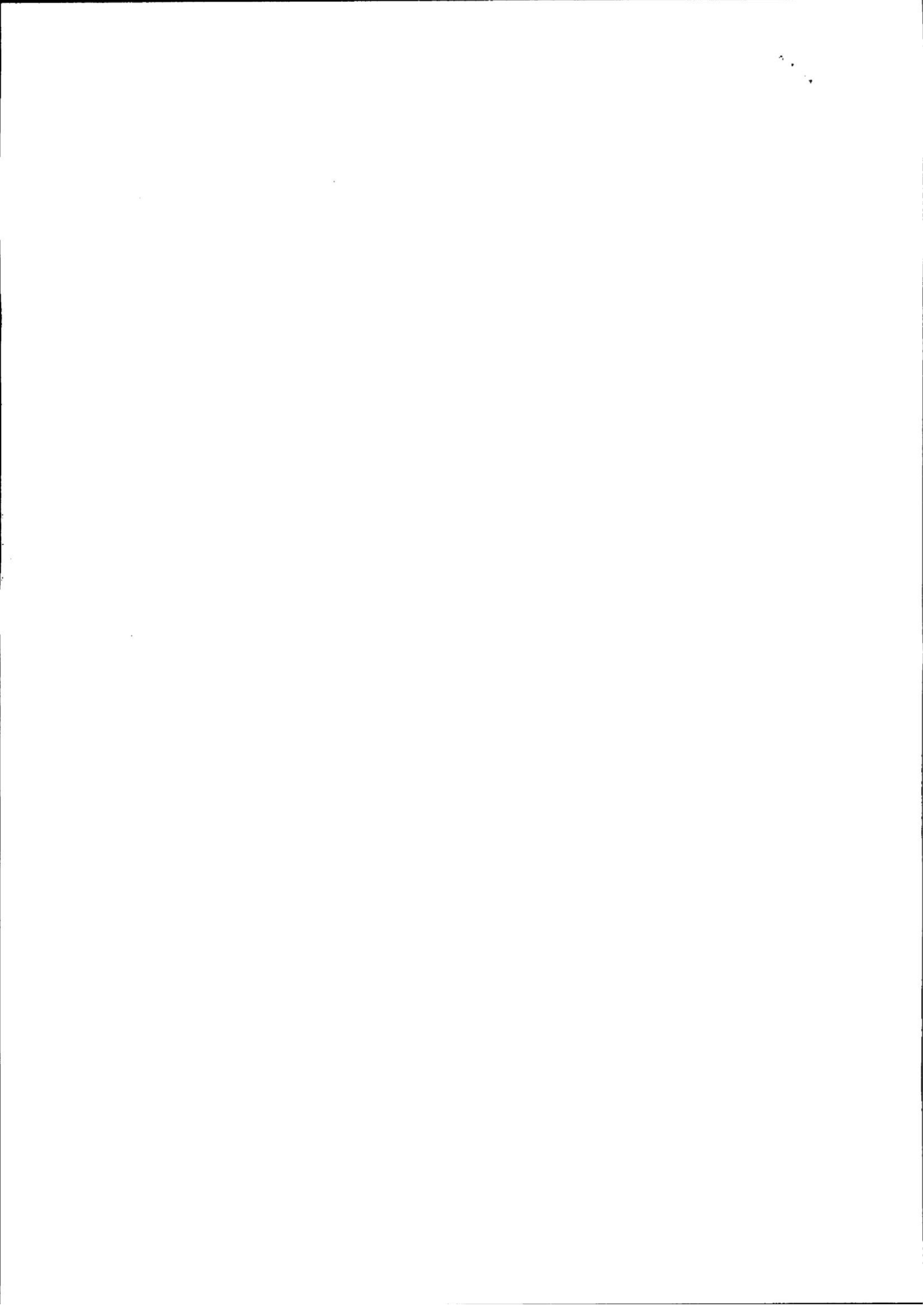
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 150/TTr-STNMT ngày 07 tháng 3 năm 2018 và trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Ủy viên UBND thành phố.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm sang số lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

TT	Khoáng sản nguyên khai		Khoáng sản thành phẩm		Tỷ lệ quy đổi (lần)
	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	
<b>I Khoáng sản kim loại</b>					
1	Quặng vàng	Tấn	Tinh quặng vàng (để có 1kg vàng tinh phải đưa 115 tấn quặng với hàm lượng 8,74g Au/tấn vào chế biến)	Kg	115
<b>II Khoáng sản phi kim loại</b>					
1	Talc	Tấn	Quặng tinh Talc (độ thu hồi qua rây 0,2mm $\geq$ 40%)	Tấn	2,5
2	Kaolin	Tấn	Quặng tinh kaolin (độ thu	Tấn	2,0





TT	Khoáng sản nguyên khai		Khoáng sản thành phẩm		Tỷ lệ quy đổi (lần)
	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	
			hồi qua rây 0,2mm $\geq$ 50%)		
<b>III</b>	<b>Nhóm vật liệu xây dựng thông thường</b>				
1	Đá	m <sup>3</sup>	Đá hộc các loại	m <sup>3</sup>	1,0
			Đá 0,5 x 1 cm	m <sup>3</sup>	1,2
			Đá 1 x 2 cm	m <sup>3</sup>	1,18
			Đá 2 x 4 cm	m <sup>3</sup>	1,15
			Đá 4 x 6 cm	m <sup>3</sup>	1,1
			Bột đá	m <sup>3</sup>	1,2
			Đá cấp phối	m <sup>3</sup>	1,0
			Đá chẻ các loại	m <sup>3</sup>	0,8
2	Đất sét	m <sup>3</sup>	Gạch đặc thẻ (175x80x50)mm	1000 viên	1,25
			Gạch 6 lỗ (175x95x70)mm	1000 viên	1,7
<b>IV</b>	<b>Nhóm nước khoáng</b>				
1	Nước khoáng nóng	m <sup>3</sup>	Nước đóng chai	lít	1000

Phương pháp tính: Số lượng khoáng sản nguyên khai = Số lượng khoáng sản thành phẩm nhân với tỷ lệ quy đổi (trừ quặng vàng, đất sét).

Trong đó:

- Khoáng sản nguyên khai: là sản phẩm tài nguyên của khoáng sản, đã khai thác, không còn ở trạng thái tự nhiên nhưng chưa qua đập, nghiền, sàng, phân loại hoặc các hoạt động khác để nâng cao giá trị khoáng sản sau khai thác.

- Khoáng sản thành phẩm: là khoáng sản sau khi khai thác được đập, nghiền, sàng, phân loại hoặc các hoạt động khác để nâng cao giá trị khoáng sản sau khai thác, được đưa vào tiêu thụ, sử dụng

**Điều 2.** Giao Cục Thuế thành phố thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố thực hiện việc tính, kê khai, nộp các nghĩa vụ tài chính trong quá trình hoạt động khoáng sản theo quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành.

Trường hợp có sự thay đổi liên quan đến các hệ số nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quyết định này đảm bảo phù hợp và theo đúng quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 04 năm 2018.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Chủ tịch UBND các quận,

huyện và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Tài Chính;
- Tổng Cục Thuế;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Chủ tịch và các Phó CT UBNDTP;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PTTH Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, STNMT.

150

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thơ